TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/DS-PT
Ngày 23-7-2020
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Bùi Thanh Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 105/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Bùi Công N, sinh năm 1940 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 5, nghách 117/36, phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà X: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1959; Địa chỉ: H27, đường A2, khu tái định cư A Mật, tổ 29, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; (Theo văn bản ủy quyền số 1776.2020/GUQ quyển số 01/TP/CC-SCC ngày 19/6/2020 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội).

- *Bị đơn*: Bà Tôn Thị Kim L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tôn Thị Kim L: ông Đặng Thái H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước. (có

mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu Bùi Nhật L, sinh ngày 29/12/2003 (vắng mặt)

2. Cháu Bùi Lan A, sinh ngày 11/7/2007(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 5, nghách 117/36, phố P, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Bùi Nhật L và cháu Bùi Lan A: Bà Tôn Thị Kim L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.(có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X có con trai là Bùi Quang T, sinh năm 1978 đã kết hôn với bà Tôn Thị Kim L. Trong quá trình chung sống ông T, bà L có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 7.432m^2 (diện tích đó đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004. Vào ngày 11/6/2007 ông T chết không để lại di chúc. Nay ông N, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là ½ diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) do ông T chết để lại tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước và yêu cầu được nhận hiện vật là đất và tài sản trên đất.

** Bị đơn bà Tôn Thị Kim L trình bày:*

Bà L với ông Bùi Quang T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11/3/2003. Ông T, bà L có 02 người con chung là cháu Bùi Lan A, sinh ngày 11/7/2007 và Bùi Nhật L, sinh ngày 19/12/2003. Trong quá trình chung sống Bà Lvới ông T có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004. Vào ngày 11/6/2007 ông T chết không để lại di chúc. Nay ông N, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là phần diện tích đất và tài sản trên đất do ông T chết để lại nằm trong phần diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thì Bà

L đồng ý. Tuy nhiên, Bà L yêu cầu được nhận hết tài sản là diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) và tài sản trên đất, Bà L sẽ hoàn lại giá trị tương đương bằng tiền cho các đồng thừa kế, đối với phần tài sản được chia của hai người con chung là cháu Bùi Lan A và Bùi Nhật L, do hai con chung còn nhỏ Bà L yêu cầu được quản lý phần tài sản của cháu A và cháu L được chia cho đến khi cháu A, cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi Bà L sẽ giao lại cho các con quản lý, sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Nhật L trình bày:*

Cháu L là con ruột của bà L, ông T, đối với nguồn gốc của diện tích diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cháu L không biết. Nay ông N, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì cháu L đồng ý và cháu L yêu cầu được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Lan A trình bày:*

Cháu A là con ruột của bà L, ông T, đối với nguồn gốc của diện tích diện tích đất 7.432 m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cháu A không biết. Nay ông N, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì cháu A đồng ý và cháu A yêu cầu được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X.

Giao cho bà Tôn Thị Kim L được quản lý, sử dụng diện tích đất 4.860,2m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía đông giáp đất bà L; phía tây giáp đất ông Tài; phía nam giáp đất ông Trung; phía bắc giáp đất ông Hiếu. Tài sản trên đất có 77 cây điều trồng năm 2002.

Bà Tôn Thị Kim L có trách nhiệm hoàn trả lại cho cháu Bùi Nhật L số tiền 36.237.009 đồng và cháu Bùi Lan A số tiền 36.237.009 đồng, hoàn trả lại cho ông Bùi Công N số tiền 36.233.880 đồng và bà Nguyễn Thị X số tiền 36.233.880 đồng. Do cháu L, cháu A chưa đủ 18 tuổi nên cần giao số tiền 36.233.880 đồng của cháu L, số tiền 36.233.880 đồng của cháu A cho Bà L quản lý đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 thì Bà L có trách nhiệm giao lại cho cháu Bùi Nhật L, cháu Bùi Lan A số tiền nói trên để các cháu quản lý, sử dụng…"

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/3/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước; Định giá lại tài sản thừa kế (đất rẫy và cây điều) theo giá thực tế tại địa phương (khoảng 800.000.000đ/01ha); Nguyên đơn xin được nhận quản lý chăm sóc và thu hoạch hàng năm đối với phần tài sản thừa kế là đất và cây điều, không nhận tiền: 973m^2 x 4 (phần) = 3.892m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại tài sản thừa kế (đất rẫy và cây điều) theo giá thực tế tại địa phương (khoảng 800.000.000đ/01ha). Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý theo giá trị di sản thừa kế do Hội đồng định giá tại cấp sơ thẩm đã xác định tại biên bản định giá ngày 08/01/2020.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 bộ luật TTDS, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông N, bà X. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của TAND huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X:

[2.1] Ông Bùi Quang T là con trai của ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X. Ngày 10/3/2003, ông T đã kết hôn với bà Tôn Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống ông T, bà L có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 7.432m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 9.720,3m^2) tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004. Vào ngày 11/6/2007 ông T chết không để lại di chúc. Nay ông N, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là ½ diện tích đất và tài sản trên đất do ông T chết để lại nằm trong phần diện tích đất 9.720,3m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước là đúng với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đối với phần này là có căn cứ.

[2.2]. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất gồm có: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Ông T có ông N, Bà L là cha, mẹ đẻ (không có cha, mẹ nuôi), có Bà L là vợ hợp pháp và có hai người con đẻ là cháu Bùi Nhật L, Bùi Lan A (không con nuôi). Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T có 05 người bao gồm: ông N, bà X, bà L, cháu Lvà cháu A.

Đối với diện tích đất 7.432m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004 có nguồn gốc là tài sản chung của ông T, bà L. Tuy nhiên, trong quá đo đạc thực tế thì diện tích đất tăng lên 9.720,3m^2 (tăng thêm 2.288,3m^2). Đối với diện tích đất tăng thêm này qua quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích đất này là tài sản chung của ông T, bà L và từ khi ông T mất đến nay Bà L là người trực tiếp quản lý, sử dụng, diện tích đất này đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn, bị đơn đồng ý với kết quả đo đạc thực tế và yêu cầu lấy kết quả đo đạc thực tế làm căn cứ giải quyết vụ án.

Như vậy diện tích đất 9.720,3m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004 và tài sản trên đất, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T, bà L, là tài sản chung của vợ chồng nên bà L được hưởng ½ khối tài sản chung của ông T, bà L là diện tích đất 4.860,1m^2, tài sản trên đất có 77 cây điều trồng năm 2002. Còn lại diện tích đất 4.860,2m^2 và tài sản trên đất gồm có 77 cây điều trồng năm 2002 là phần di sản thừa kế của ông T để lại.

[2.3]. Do ông T chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế sẽ được phân chia theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: Bà Tôn Thị Kim L, ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X, cháu Bùi Nhật L và cháu Bùi Lan A. Chia cụ thể phân chia như sau:

- Phần tài sản Bà Tôn Thị Kim L được chia gồm:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất bà L có cạnh 108,80m; phía Tây giáp đất cháu L được chia có cạnh 93,18m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh 10m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh dài 16,29m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng.

- Phần tài sản cháu Bùi Nhật L được chia gồm:

Diện tích dất 972,1m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất bà L được chia có cạnh 93,18m; phía Tây giáp đất Cháu A được chia có cạnh dài 80,18m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh 11,90m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh 10,04m và 5,14m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.237.009 đồng.

- Phần tài sản cháu Bùi Lan A được chia gồm:

Diện tích đất 972,1m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất cháu Lđược chia có cạnh dài 80,18m; phía Tây giáp đất ông N được chia có cạnh dài 72,82m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài13,10m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh dài 6,27m và 8,73m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.237.009 đồng.

- Phần tài sản ông Bùi Công N được chia gồm:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất cháu A được chia có cạnh dài 72,82m; phía Tây giáp đất bà X được chia có cạnh dài 71,14m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài15,21m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có cạnh dài12,30m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng.

- Phần tài sản bà Nguyễn Thị X được chia gồm:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N được chia có cạnh dài 71,14m; phía Tây giáp đất ông Tài có cạnh dài 69,59m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài 15,23m; phía

Bắc giáp đất ông Hiếu có cạnh dài 12,76m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng.

Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm cho rằng theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và Quyết định 40/2019/QĐUBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định hạn mức đất ở, điều kiện tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì điều kiện tách thửa đối với đất nông nghiệp tại xã là 1.000 m^2, từ đó cho rằng phần diện tích đất ông N, bà X, bà L, cháu L, cháu A được chia không đủ điều kiện điều kiện tách thửa, nên đã tuyên giao lại toàn bộ diện tích cho bà L trực tiếp quản lý, sử dụng, bà L có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần đất và tài sản trên đất cho ông N, bà X, cháu L, cháu A là chưa chính xác và chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 của Quyết định 40/2019/QĐUBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Mặt khác, khi yêu cầu phân chia di sản các bên đều có nguyện vọng được nhận di sản được chia bằng hiện vật. Theo kết quả đo đạc trên thì các phần đất nằm độc lập với nhau và việc phân chia đất thành các phần đất như trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc cây trồng trên đất. Nên cần chia di sản bằng hiện vật mới phù hợp nguyện vọng và nhu cầu sử dụng đất của các bên.

Tại cấp phúc thẩm ông N, bà X cung cấp văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương, có nội dung ông N, bà X là người trực tiếp chăm sóc cháu L, cháu A; cháu L, Cháu Acũng có văn bản thể hiện nguyện vọng đồng ý giao phần tài sản được chia cho ông N, bà X quản lý trông coi cho đến khi cháu L, Cháu A đủ 18 tuổi; hơn nữa theo lời thừa nhận của bà L, hiện nay các con không sống chung với chị mà ông N, bà X là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu từ năm 2013 đến nay. Do vậy, nhằm đáp ứng nguyện vọng của hai cháu đồng thời tạo điều kiện cho hai cháu có thêm nguồn thu nhập từ hoa lợi, lợi tức trên phần tài sản được nhận để chi phí ăn học cho cả hai cháu trong thời gian các cháu chưa đủ 18 tuổi nên đối với phần tài sản cháu L, Cháu A được chia cần giao cho ông N, bà X tạm quản lý cho đến khi cháu L, Cháu A đủ 18 tuổi ông N bà X có trách nhiệm giao lại cho hai cháu.

[4] Quá trình giải quyết các bên thừa nhận và xác định diện tích 9.720,3m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 725/CNHQSDĐ/UB do UBND huyện Phước Long cũ, tỉnh Bình Phước cấp cho hộ ông Bùi Quang T vào ngày 24/9/2004 và tài sản trên đất, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T, bà L, là tài sản chung của vợ chồng nên bà L được hưởng ½ khối tài sản chung của ông T, bà L là diện tích đất 4.860,1m^2, tài sản trên đất có 77 cây điều trồng năm 2002. Cấp sơ thẩm không xem xét giao cho bà L diện tích

đất 4.860,1m^2 cùng tài sản trên đất mà bà L được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng bà L ông T là thiếu sót. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng xét thấy cần xem xét giao tài sản trên cho bà L thì mới giải quyết triệt để vụ án. Nội dung này chỉ cần lưu ý để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm không cần thiết phải hủy án.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Công N, và Nguyễn Thị X; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DSST ngày 24/02/2020 của TAND huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Tôn Thị Kim L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X số tiền 3.638.712 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N, bà X được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Tôn Thị Kim L phải chịu 3.623.544 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông N, bà X được chấp nhận nên ông N, bà X không phải chịu.

[8] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Công N bà Nguyễn Thị X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của TAND huyện B, tỉnh Bình Phước. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144 và Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X.

Xác định diện tích đất 4.860,2m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm có 77 cây điều trồng năm 2002 là phần di sản thừa kế của ông Bùi Quang T chết để lại. Những người được hưởng di sản thừa kế nêu trên gồm: Bà Tôn Thị Kim L, ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X, cháu Bùi Nhật L và cháu Bùi Lan A.

Di sản thừa kế của ông T được phân chia như sau:

- Chia cho bà Tôn Thị Kim L:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất bà L có cạnh 108,80m; phía Tây giáp đất cháu L được chia có cạnh 93,18m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh 10m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh dài 16,29m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Chia cho cháu Bùi Nhật L:

Diện tích đất 972,1m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất Bà Lđược chia có cạnh 93,18m; phía Tây giáp đất Cháu A được chia có cạnh dài 80,18m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh 11,90m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh 10,04m và 5,14m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.237.009 đồng. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

- Chia cho cháu Bùi Lan A:

Diện tích đất 972,1m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất cháu Lđược chia có cạnh dài 80,18m; phía Tây giáp đất ông N được chia có cạnh dài 72,82m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài13,10m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh dài 6,27m và 8,73m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.237.009 đồng. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

- Chia cho ông Bùi Công N:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất Cháu A được chia có cạnh dài 72,82m; phía Tây giáp đất bà X được chia có cạnh dài 71,14m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài15,21m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có cạnh dài12,30m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng

năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

- Chia cho bà Nguyễn Thị X:

Diện tích đất 972 m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông N được chia có cạnh dài 71,14m; phía Tây giáp đất ông Tài có cạnh dài 69,59m; phía Nam giáp đất ông Trung có cạnh dài 15,23m; phía Bắc giáp đất ông Hiếu có cạnh dài 12,76m. Tài sản trên đất có 15 cây điều trồng năm 2002. Tổng giá trị tài sản bao gồm đất và tài sản trên đất là 36.233.880 đồng. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Do cháu Bùi Nhật L và Bùi Lan A chưa đủ 18 tuổi nên ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X được tạm thời quản lý kỷ phần thừa kế mà hai cháu Bùi Nhật L và Bùi Lan A được hưởng cho đến khi hai cháu L và A đủ 18 tuổi.

Giao cho bà Tôn Thị Kim L được quản lý, sử dụng diện tích đất 4.860,1m^2 tọa lạc tại thôn 01, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất có tứ cận: phía đông giáp đất ông Sơn có các cạnh dài 51,50m, 87,99m; phía tây giáp đất Bà L được chia có cạnh dài 108,80m; phía nam giáp đất ông Trung có cạnh dài 32,73m; phía bắc giáp đất ông Hiếu có các cạnh dài 31,07m; 4,52m; 7,91m. Tài sản trên đất có 77 cây điều trồng năm 2002. (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có liên quan có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các trình tự thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đã được phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Tôn Thị Kim L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Bùi Công N và bà Nguyễn Thị X số tiền 3.638.712 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X.

Bà Tôn Thị Kim L phải chịu 3.623.544 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Công N, bà Nguyễn Thị X được miễn. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B hoàn trả lại cho ông N bà Xuyến số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019195 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga